

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 21 /8/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Trí

Bà Hoàng Thị Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 “Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn K; Sinh năm 1984 ; Địa chỉ: Tổ M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị T; Sinh năm 1986 ; Địa chỉ: Tổ M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Những người làm chứng: Bà Lê Thị Th và bà Võ Thị K; Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Phạm Văn K khởi kiện xin được ly hôn với chị Trịnh Thị T với lý do theo anh K trình bày: Anh và chị T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 2010, chung sống hạnh phúc được ba năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, cụ thể: Vợ chồng chung sống không được hòa thuận do tính khí thất thường của chị T, thêm vào đó là mâu thuẫn giữa gia đình nhà anh, mẹ anh

với chị T; Rạn nứt nhất vào năm 2017 bố mẹ anh có nói cho vợ chồng tiền xây nhà nhưng do chưa được tuổi xây nên nói để sang năm 2018; nhưng cô T lại muốn phải cho và xây trong năm 2017. Vì bố mẹ không chấp nhận nên cô T luôn tỏ thái độ bất kính với bố mẹ anh và có những lời lẽ dằn vặt anh; Là giáo viên nhưng cô T quá mê tín đã có những việc làm mà gia đình anh không chấp nhận được; lại còn đánh mẹ anh chảy máu đầu. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017; đến nay anh không còn tình cảm với cô T mong Tòa chấp nhận cho ly hôn. Về phần con chung anh xin nhận nuôi hai con, không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con, nếu chị T không chấp nhận đề nghị Tòa giao mỗi người nuôi một con, tại phiên tòa anh xin nhận nuôi cháu Phạm Bào Kh. Về phần tài sản nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là chị Trịnh Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh K tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2010 đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn; do anh K sử dụng tiền bạc như vay mượn, đưa cho mẹ đẻ, mua bảo hiểm cho con đều không có sự trao đổi, bàn bạc thống nhất của chị. Ngoài ra chị T cũng thừa nhận có sự mâu thuẫn giữa chị với bố mẹ chồng ở chỗ chị luôn cảm thấy bị xúc phạm, không được sự tôn trọng của gia đình nhà chồng. Tại bản khai ngày 23 tháng 02 năm 2018 chị T không chấp nhận ly hôn vì chị cảm thấy anh K vẫn là người chồng tốt, có trách nhiệm với vợ con. Tại phiên hòa giải ngày 18 tháng 4 năm 2018, chị T thay đổi chấp nhận ly hôn với anh K và xin nhận nuôi hai con, còn việc đóng góp nuôi con theo sự tự nguyện của anh K. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về phần tài sản.

Người làm chứng là bà Trần Thị Th trình bày: Mâu thuẫn chủ yếu từ việc vợ chồng bà có hứa cho tiền xây nhà nhưng vì con trai bà là anh K chưa được tuổi làm nhà trong năm 2017 nên có nói để năm 2018 xây; Trong khi đó con dâu bà lại muốn bố mẹ chồng phải cho tiền và xây nhà ngay trong năm 2017, từ lý do này mà con dâu bà luôn khó chịu, có lời ra tiếng vào và những việc làm mà gia đình bà không chấp nhận được. Còn việc ly hôn giữa con trai bà và con dâu: Cả hai đã chuyển ra ở riêng nhiều năm nay, có ly hôn hay không là việc tự quyết của anh K và chị T.

Người làm chứng là chị Võ Thị K trình bày: Chị là hàng xóm sát nhà bà Lê Thị Th, vào khoảng 4 giờ chiều ngày 04/02/2018 sau khi nghe tiếng kêu thất thanh của bà Th, chị chạy sang nhà thì thấy chị T bế con lên xe và phóng ra về, còn bà Th đang ôm đầu máu chảy bê bết. Chị đã vội vàng băng sơ lại và đưa bà Th đến bệnh xá công ty B để khâu, băng bó vết thương. Mâu thuẫn xảy ra giữa chị T và bà Th như thế nào thì chị không biết chỉ nghe bà Th nói bị chị T dùng chìa khóa đâm vào đầu, đâm đá vào ngực và người.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán, các hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố

tụng tại Tòa; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng..

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá mâu thuẫn giữa anh K và chị T ở mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thỏa thuận ly hôn trước khi mở phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thuận tình ly hôn giữa anh K với chị T theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Về phần nuôi con: Nguyên đơn, bị đơn đều có đủ điều kiện và có nguyện vọng nuôi con, đề nghị Hội đồng giao cháu Phạm Thanh Ng cho anh K nuôi, giao cháu Phạm Bảo Kh cho chị T nuôi theo các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phần án phí: Cả hai thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án xác định quan hệ pháp luật về việc “ ly hôn, tranh chấp nuôi con ”, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K và chị Trịnh Thị T kết hôn với nhau tự nguyện, không có sự ép buộc, lừa dối, việc kết hôn có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng qui định, hôn nhân giữa anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay anh K xin ly hôn với chị T, lúc đầu chị T không đồng ý với lý do vẫn còn tình cảm với anh K, tại phiên hòa giải ngày 18-4-2018, chị T thay đổi chấp nhận ly hôn, sau ngày 18-4-2018 chị T không tham gia tố tụng tại Tòa, không có lý do. Xét thấy anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, ngoài mâu thuẫn giữa hai vợ chồng còn mâu thuẫn nặng nề giữa chị T với bố mẹ anh K, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh chị đều tự nguyện thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị theo Điều 55 của luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung: Anh chị có hai con chung, các cháu tên là Phạm Thanh Ng, sinh ngày 29-5-2013 và cháu Phạm Bảo Kh, sinh ngày 04-02-2015. Anh chị không thống nhất được việc nuôi con sau ly hôn. Xét thấy cả hai đều có nguyện vọng nuôi con; Anh K làm bộ đội, tại phiên tòa anh có trình bày do thấy thu nhập thấp hơn so với việc anh làm ngoài nên anh đã có đơn xin ra quân để về buôn bán kinh doanh với bố mẹ và làm rẫy, hiện nay chưa có quyết định chính thức của đơn vị, ra quân anh vẫn đảm bảo tốt việc nuôi con; Còn chị T là giáo viên. Xét thấy anh chị đều có nghề nghiệp, có thu nhập, có nơi ăn ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, cả hai đều quan tâm, gần gũi, gần bó, trách nhiệm với con. Nên giao mỗi người nuôi một con; Khi giải quyết có xem xét đến quyền lợi chính đáng của mẹ và con, ưu tiên cho chị T nhận nuôi cháu nào cụ thể nhưng chị T không có mặt tại phiên tòa, anh K có nguyện vọng xin nuôi cháu Phạm Bảo Kh. Vì vậy giao cháu Phạm Thanh Ng là con gái cần sự quan tâm, gần gũi của mẹ hơn cho chị T nuôi dưỡng; còn anh K sẽ có trách nhiệm nuôi cháu Phạm Bảo Kh, không ai phải đóng góp tiền nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]Về án phí: Anh chị thống nhất thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa vì vậy mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55; các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo:

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn K với chị Trịnh Thị T. Quan hệ hôn nhân giữa anh, chị chấm dứt kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Ng, sinh ngày 29-5-2013 cho chị Trịnh Thị T nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Bảo Kh, sinh ngày 04-02-2015 cho anh Phạm Văn K nuôi dưỡng, cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động; không ai phải đóng góp tiền nuôi con. Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

2.Về án phí : Anh Phạm Văn K và chị Trịnh Thị T mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Anh K được chuyển 75.000đ tiền tạm ứng án phí sang án phí và được nhận lại 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0001922 ngày 08-02-2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3.Về quyền kháng cáo:: Anh Phạm Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2018); Chị Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo